

Số: /HD-SKHCN

Đà Nẵng, ngày tháng 10 năm 2020

HƯỚNG DẪN

Thực hiện một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 11/8/2016 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 194/2018/NQ-HĐND ngày 19/12/2018 của HĐND thành phố Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2016 của HĐND thành phố về quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 08/11/2016 của UBND thành phố Đà Nẵng quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 16/5/2019 của UBND thành phố Đà Nẵng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND.

Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 11/8/2016, Nghị quyết số 194/2018/NQ-HĐND, Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 08/11/2016 và Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 16/5/2019 để các doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận chính sách và hướng dẫn một số biểu mẫu để doanh nghiệp tham khảo trong quá trình thực hiện, cụ thể như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng được hỗ trợ

a) Các doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ và thương mại trên địa bàn thành phố (bao gồm cả hợp tác xã, không bao gồm các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) có hoạt động nghiên cứu tạo công nghệ, chuyển giao công nghệ, thực hiện đổi mới, cải tiến công nghệ.

b) Các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố có hoạt động nghiên cứu tạo công nghệ, nghiên cứu công nghệ tạo sản phẩm mới, sản phẩm công nghệ cao; giải mã công nghệ, triển khai ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến, cải tiến công nghệ thực hiện chuyển giao cho các doanh nghiệp hoặc thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, kết quả giải mã công nghệ.

c) Các tổ chức thực hiện hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

2. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Việc hỗ trợ đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, không trùng lặp.

b) Không hỗ trợ đối với các dự án đã và đang thực hiện bằng nguồn vốn của nhà nước hoặc đã nhận từ nguồn khác của nhà nước.

c) Không hỗ trợ cho doanh nghiệp nhận công nghệ được chuyển giao từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khi đã được nhận hỗ trợ theo quy định này hoặc đã nhận hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

d) Khi tiếp nhận công nghệ hoặc thiết bị có sử dụng công nghệ giống nhau chỉ hỗ trợ một lần và cho một doanh nghiệp. Việc xem xét hỗ trợ theo điểm h khoản 2 mục III.

đ) Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi, hỗ trợ của nhiều chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ thì doanh nghiệp được chọn chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ có mức hỗ trợ cao nhất.

3. Loại hình công nghệ được hỗ trợ

a) Công nghệ tạo sản phẩm mới, sản phẩm công nghệ cao.

b) Công nghệ nhằm nâng giá trị gia tăng, cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm; Công nghệ giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động; Công nghệ thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng.

c) Tiếp nhận công nghệ tiên tiến; các phương pháp gia công mới, tiên tiến; công nghệ thuộc các lĩnh vực ưu tiên phát triển.

d) Nghiên cứu tạo công nghệ mới, thiết kế, chế tạo thiết bị công nghệ mới thay thế thiết bị nhập ngoại, nghiên cứu giải mã công nghệ, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ.

đ) Thực hiện xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn, áp dụng các công cụ quản lý tiên tiến, hoạt động tiêu chuẩn hóa và sở hữu trí tuệ. Đào tạo nâng cao năng lực quản lý, năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ, tham gia thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ, phát triển thị trường khoa học công nghệ.

e) Các trường hợp đặc biệt (hỗ trợ cho các doanh nghiệp tiếp nhận công nghệ có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển của lĩnh vực, ngành, phát triển khoa học và công nghệ, phát triển kinh tế - xã hội của thành phố) do Chủ tịch UBND thành phố quyết định.

4. Điều kiện được hỗ trợ

a) Các doanh nghiệp quy định tại điểm a khoản 1 mục I có các điều kiện sau đây:

- Thực hiện đổi mới, cải tiến công nghệ quy định tại khoản 3 mục I;
- Thực hiện các nghĩa vụ thuế theo quy định hiện hành của Nhà nước;
- Điều kiện ưu tiên

Ưu tiên các doanh nghiệp có một hoặc nhiều điều kiện sau đây:

- + Tham gia sản xuất sản phẩm chủ lực của thành phố; sản xuất hàng xuất khẩu, các mặt hàng thuộc các lĩnh vực được thành phố ưu tiên phát triển;
- + Doanh nghiệp có trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp;
- + Doanh nghiệp đã đạt Giải thưởng Chất lượng Việt Nam;
- + Không vi phạm các quy định của pháp luật về môi trường;
- + Thực hiện tốt các hoạt động xã hội.
- + Doanh nghiệp có hoạt động chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của Chính phủ.

b) Các tổ chức, cá nhân quy định tại điểm b khoản 1 mục I có các điều kiện sau đây:

- Là chủ sở hữu hoặc có quyền chuyển giao đối với công nghệ được chuyển giao;
- Có năng lực thực hiện nghiên cứu, cải tiến, giải mã, ươm tạo công nghệ;
- Có địa chỉ chuyển giao công nghệ.

c) Các tổ chức quy định tại điểm c khoản 1 mục I có thực hiện hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

II. NỘI DUNG HỖ TRỢ

1. Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng cho cá nhân khởi nghiệp, nhóm khởi nghiệp, đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật ở các doanh nghiệp các kiến thức quản lý công nghệ, cụ thể:

a) Phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công nghệ và chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Kỹ năng lựa chọn công nghệ, đàm phán, xây dựng và ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, năng suất, chất lượng, và các vấn đề có liên quan.

c) Kỹ năng quản trị doanh nghiệp, quản trị dự án, tài chính, nhân sự... cho đội ngũ cán bộ quản lý của các doanh nghiệp.

d) Quản lý sản xuất, các phương pháp quản lý hiện đại, tiên tiến, các công cụ phục vụ quản lý, phương pháp triển khai thực hiện các đề tài nghiên cứu ở cơ sở sản xuất.

d) Phương pháp đánh giá công nghệ.

e) Hướng dẫn xây dựng bộ phận nghiên cứu và triển khai khi các doanh nghiệp có yêu cầu.

g) Hằng năm, các đối tượng được hỗ trợ theo quy định xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng gửi Sở Khoa học và Công nghệ. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xem xét, bố trí kinh phí, chủ trì phối hợp với các tổ chức có liên quan tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo quy định từ điểm a đến điểm đ khoản 1 mục II.

2. Hỗ trợ trong hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ

a) Chuyển giao công nghệ độc lập

Hỗ trợ đến 70% giá trị hợp đồng mua công nghệ, giải pháp kỹ thuật, quy trình công nghệ, thiết kế kỹ thuật, bí quyết công nghệ.

b) Mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ (mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ không quá 02 dự án)

- Hỗ trợ đến 30% chi phí mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ cao;

- Hỗ trợ đến 15% chi phí mua thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường;

- Trường hợp mua thiết bị công nghệ có kèm hợp đồng chuyển giao công nghệ thì hỗ trợ hợp đồng mua công nghệ theo điểm a khoản 2 mục II.

c) Hỗ trợ đến 70% chi phí thực hiện:

- Nghiên cứu tạo công nghệ;

- Ươm tạo công nghệ;

- Thiết kế chế tạo thiết bị công nghệ có hàm chứa công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ cao;

- Cải tiến công nghệ;

- Đổi mới quy trình công nghệ sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Nghiên cứu giải mã công nghệ (công nghệ cần giải mã là công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố). Nội dung hỗ trợ bao gồm thực hiện nghiên cứu, thuê chuyên gia thực hiện hoạt động tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật, lao động kỹ thuật, đo lường, thử nghiệm phục vụ hoạt động giải mã công nghệ.

d) Các doanh nghiệp được chứng nhận là doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hỗ trợ có mức cao hơn đến 5% so với các mức quy định tại điểm a, b,

c khoản 2 mục II. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hỗ trợ không quá 03 dự án theo quy định tại điểm b khoản 2 mục II.

đ) Kinh phí hỗ trợ cho các dự án quy định tại điểm a, b, c, d khoản 2 mục II không vượt quá 03 (ba) tỷ đồng/doanh nghiệp trong một năm.

e) Việc hỗ trợ đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng không trùng lặp. Các dự án đã và đang thực hiện bằng nguồn vốn của nhà nước hoặc đã nhận từ nguồn khác của nhà nước không được hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 mục II.

3. Hỗ trợ hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và sở hữu trí tuệ

a) Hỗ trợ xây dựng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn

- Hỗ trợ 30 triệu đồng cho xây dựng, đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn (ISO 9000, ISO 14000, ISO 22000, ISO 27000..., các tiêu chuẩn hệ thống quản lý khác);

- Hỗ trợ 35 triệu đồng khi tích hợp cùng một lúc nhiều tiêu chuẩn, các công cụ quản lý tiên tiến trong hệ thống quản lý của doanh nghiệp;

- Hỗ trợ 10 triệu đồng thực hiện tái chứng nhận hệ thống quản lý;

- Hỗ trợ 10 triệu đồng khi doanh nghiệp tích hợp bổ sung tiêu chuẩn quản lý khác vào hệ thống quản lý của doanh nghiệp đã được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn.

b) Hỗ trợ 10 triệu đồng/tiêu chuẩn để thực hiện xây dựng tiêu chuẩn cơ sở. Hỗ trợ không quá 2 tiêu chuẩn/năm cho một doanh nghiệp.

c) Hỗ trợ 15 triệu đồng/sản phẩm để đánh giá chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn và đánh giá chứng nhận hợp quy. Hỗ trợ không quá 2 sản phẩm/năm cho một doanh nghiệp.

d) Hỗ trợ 10 triệu đồng để đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ phát minh hoặc sáng chế hoặc giải pháp hữu ích của doanh nghiệp.

đ) Hỗ trợ 3 triệu đồng/nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp đăng ký sở hữu trong nước.

e) Hỗ trợ 20 triệu đồng/nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp đăng ký sở hữu ở nước ngoài.

g) Trường hợp doanh nghiệp đăng ký nhiều nhãn hiệu, nhiều kiểu dáng công nghiệp cho một sản phẩm thì chỉ hỗ trợ đăng ký một nhãn hiệu và một kiểu dáng công nghiệp. Một doanh nghiệp hỗ trợ không quá 03 (ba) nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp/năm.

h) Tổng mức hỗ trợ quy định tại điểm a đến điểm g khoản 3 mục II cho một doanh nghiệp không quá 500 (năm trăm) triệu đồng/năm. Chỉ hỗ trợ 01 (một) lần cho các nội dung quy định điểm a khoản 3 mục II.

i) Việc hỗ trợ các nội dung quy định tại khoản 3 mục II được căn cứ vào

kinh phí phân bổ hằng năm và ưu tiên cho các doanh nghiệp quy định tại điểm a khoản 1 mục I.

4. Hỗ trợ tư vấn công nghệ

a) Hỗ trợ thông tin giới thiệu tổ chức tư vấn, nhà cung cấp, chuyên gia, tư vấn lựa chọn công nghệ, lập dự án đổi mới công nghệ, đàm phán, lập hợp đồng chuyển giao công nghệ, ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ, tiếp nhận công nghệ. Giới thiệu các công nghệ mới, các kết quả nghiên cứu cho các doanh nghiệp để các doanh nghiệp lựa chọn các giải pháp công nghệ.

b) Hỗ trợ đến 70% kinh phí đánh giá công nghệ tại các doanh nghiệp, thẩm định và đánh giá công nghệ chuyển giao cho doanh nghiệp, tối đa không quá 5 (năm) triệu đồng/doanh nghiệp trong một năm.

c) Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được tham gia sàn giao dịch công nghệ ảo (Techmart Online) miễn phí trong thời gian 3 năm kể từ ngày đăng ký tham gia.

5. Hỗ trợ tiếp cận các nguồn lực, các chương trình, dự án

a) Các sở, ban, ngành của thành phố có trách nhiệm hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận, tham gia các Chương trình, dự án của các tổ chức trong và ngoài nước, Chương trình, dự án của quốc gia về hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ.

b) Hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi trong và ngoài nước để thực hiện các dự án đầu tư đổi mới công nghệ.

c) Việc hỗ trợ bao gồm hướng dẫn tiếp cận, xây dựng dự án, các thủ tục để nhận hỗ trợ.

III. THẨM QUYỀN, THỦ TỤC VÀ TRÌNH TỰ XÉT HỖ TRỢ

1. Nguồn kinh phí và thẩm quyền quyết định hỗ trợ

a) Sử dụng kinh phí từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ để hỗ trợ, Hội đồng quản lý Quỹ quyết định hỗ trợ.

b) Sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ

- Chủ tịch UBND thành phố quyết định hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ theo khoản 2 mục II.

- Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định hỗ trợ hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và sở hữu trí tuệ theo khoản 3, 4 mục II.

c) Các nguồn kinh phí hợp pháp khác

Việc hỗ trợ sẽ căn cứ theo thỏa thuận với chủ thể của nguồn kinh phí.

2. Thủ tục và trình tự hỗ trợ dự án đổi mới, cải tiến công nghệ

a) Cách thức nộp hồ sơ: Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị xét hỗ trợ đến Sở Khoa học và Công nghệ theo địa chỉ Tầng 22 Trung tâm hành chính thành phố Đà Nẵng - Số 24 Trần Phú.

b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ

c) Hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị (tham khảo mẫu M01 kèm theo);
- Dự án hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi (tham khảo mẫu M02 hoặc M03 kèm theo);
- Giấy phép đầu tư hoặc Giấy đăng ký kinh doanh (bản sao);
- Hợp đồng chuyển giao công nghệ (bản sao, nếu có);
- Hợp đồng mua thiết bị công nghệ (bản sao, nếu có);
- Biên bản nghiệm thu; hóa đơn giá trị gia tăng có liên quan (bản sao);
- Các hồ sơ có liên quan đến chất lượng sản phẩm và liên quan đến các điều kiện ưu tiên (bản sao, nếu có);
- Hồ sơ xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế của năm trước liền kề. Trường hợp còn nợ thuế thì doanh nghiệp có cam kết trả nợ thuế và được cơ quan thuế chấp thuận bằng văn bản;
- Báo cáo kết quả triển khai đổi mới công nghệ đã được triển khai thực hiện tại doanh nghiệp bao gồm cả các báo cáo về hiệu quả kinh tế và các hiệu quả khác từ đổi mới công nghệ (đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đã triển khai hoàn thành dự án đổi mới công nghệ)

d) Thủ tục xét hỗ trợ từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ

Sở Khoa học và Công nghệ:

- Nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ và tiến hành thẩm định hồ sơ;
- Lập Hội đồng đánh giá dự án. Căn cứ kết quả đánh giá của Hội đồng, Sở KH&CN trình UBND phê duyệt về nội dung được hỗ trợ của dự án và mức hỗ trợ;
- Sau khi được UBND thành phố chấp thuận, Sở KH&CN ký hợp đồng hỗ trợ với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân;
- Sở KH&CN theo dõi, giám sát quá trình tổ chức thực hiện. Lập Hội đồng khoa học đánh giá kết quả thực hiện dự án. Căn cứ nội dung, khối lượng, chất lượng thực hiện dự án, tiến hành làm thủ tục giải ngân theo thực tế thực hiện.

đ) Thủ tục xét hỗ trợ từ nguồn của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ

Trình tự, thủ tục tài trợ theo quy định của Quỹ.

e) Thủ tục xét hỗ trợ từ nguồn kinh phí khác

Căn cứ vào nguồn kinh phí huy động, nguồn kinh phí từ các tổ chức, cá nhân đóng góp để hỗ trợ cho doanh nghiệp, Sở Khoa học và Công nghệ, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thực hiện trình tự thủ tục hỗ trợ theo thỏa thuận với tổ chức, cá nhân đóng góp kinh phí hỗ trợ.

g) Thời hạn giải quyết hỗ trợ không quá 60 ngày làm việc kể từ khi nhận

hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

h) Trường hợp trong thời hạn 10 ngày kể từ khi tiếp nhận hồ sơ của một doanh nghiệp hay tổ chức, cá nhân, nếu có doanh nghiệp hay tổ chức, cá nhân khác nộp hồ sơ xin hỗ trợ tiếp nhận công nghệ hoặc thiết bị có sử dụng công nghệ giống nhau, việc hỗ trợ sẽ được xem xét cho doanh nghiệp hay tổ chức, cá nhân triển khai áp dụng vào thực tế trước. Nếu chưa có đơn vị nào áp dụng vào thực tế thì xem xét hỗ trợ cho đơn vị có nhiều điều kiện ưu tiên hơn quy định tại tiết 3 điểm a khoản 4 mục I. Trong trường hợp hai đơn vị có số điều kiện ưu tiên như nhau thì xem xét cho đơn vị nộp hồ sơ trước.

3. Thủ tục và trình tự hỗ trợ hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và sở hữu trí tuệ

a) Cách thức nộp hồ sơ: Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị xét hỗ trợ đến Sở Khoa học và Công nghệ theo địa chỉ Tầng 22 Trung tâm hành chính thành phố Đà Nẵng - Số 24 Trần Phú.

b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ

c) Hồ sơ gồm có:

- Đơn đề nghị hỗ trợ (tham khảo mẫu M01 kèm theo).
- Giấy phép đầu tư hoặc Giấy đăng ký kinh doanh (bản sao).
- Bản sao Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn; Chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy; Công bố hợp chuẩn; Văn bằng đăng ký sở hữu trí tuệ, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa (có kèm bản gốc để đối chiếu).
- Hồ sơ xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế của năm trước liền kề. Trường hợp còn nợ thuế thì doanh nghiệp có cam kết trả nợ thuế và được cơ quan thuế chấp thuận bằng văn bản.

d) Thủ tục hỗ trợ từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ Sở Khoa học và Công nghệ:

- Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ;
- Lập Hội đồng xem xét tính phù hợp với các điều kiện của Quy định;
- Thực hiện giải ngân.

đ) Thủ tục hỗ trợ từ nguồn của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Trình tự, thủ tục tài trợ theo quy định của Quỹ.

e) Thời hạn giải quyết hỗ trợ không quá 30 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

a) Tổng hợp và xem xét đánh giá sơ bộ nhu cầu của các doanh nghiệp về

đổi mới, cải tiến công nghệ.

b) Phối hợp với các sở, ban, ngành, các đơn vị được lựa chọn tham gia công tác đào tạo, huấn luyện.

c) Tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại điểm c khoản 2 và điểm c khoản 3 mục III.

d) Lập Hội đồng để đánh giá thẩm định các dự án đổi mới, cải tiến công nghệ của doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, nghiên cứu, cá nhân.

đ) Thông báo kết quả thẩm định mức hỗ trợ cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và thực hiện giám sát quá trình triển khai.

e) Tổng hợp kết quả đánh giá, thẩm định của Hội đồng khoa học trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt mức hỗ trợ.

g) Ký hợp đồng tài trợ với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

h) Lập Hội đồng để đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện dự án của các doanh nghiệp, tổ chức và thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ theo quy định tại mục II.

i) Chịu trách nhiệm hướng dẫn chi tiết thực hiện.

k) Định kỳ tổ chức kiểm tra các đối tượng đã được hỗ trợ để đánh giá và báo cáo UBND thành phố về hiệu quả của chính sách.

2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

a) Các sở, ban, ngành có liên quan phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp hình thành ý tưởng, thực hiện triển khai các đề tài, dự án đổi mới công nghệ thuộc phạm vi lĩnh vực của ngành mình.

b) Hằng năm, tại thời điểm xây dựng dự toán, trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách, dự toán của Sở Khoa học và Công nghệ, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ lập, Sở Tài chính kiểm tra tổng hợp vào dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, chi khác và báo cáo UBND thành phố trình HĐND thành phố phê duyệt kinh phí thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

c) Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thành phố:

- Thực hiện tài trợ theo mức tài trợ của quy định;
- Hướng dẫn lập hồ sơ, giải ngân kịp thời, tuân thủ đầy đủ các thủ tục theo quy định hiện hành;
- Cân đối nguồn vốn thực hiện tài trợ các doanh nghiệp theo đúng đối tượng, nội dung, phương thức đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

d) Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, các Hiệp hội doanh nghiệp và các đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở Khoa học và Công nghệ, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ trong việc thực hiện các hoạt động hỗ trợ đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố theo quy định.

3. Trách nhiệm của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

a) Lập nhu cầu đổi mới công nghệ đăng ký với Sở Khoa học và Công nghệ hoặc Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, lập dự án đổi mới công nghệ (theo mẫu quy định).

b) Tổ chức tiến hành triển khai dự án theo đúng nội dung, khối lượng, thời gian và kinh phí được phê duyệt.

c) Trong quá trình triển khai dự án các tổ chức phải thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Trên đây là hướng dẫn thực hiện một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 11/8/2016, Nghị quyết số 194/2018/NQ-HĐND, Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 08/11/2016 và Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 16/5/2019, Sở Khoa học và Công nghệ kính thông báo đến các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố Đà Nẵng./.

Nơi nhận:

- UBND TP (để báo cáo);
- UBND các quận, huyện;
- Các Sở, ban, ngành;
- Hiệp hội DNNVV;
- Trang TTĐT Sở;
- Lưu: VT, QLCN_(Dương)

GIÁM ĐỐC

Thái Bá Cảnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng

1. Tên tổ chức cá nhân đề nghị hỗ trợ:
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại:
4. Fax:
5. E-mail:
6. Người đứng đầu tổ chức:
 - Họ và tên:
 - Chức vụ:

7. Đề nghị xem xét hỗ trợ cho dự án: <Tên dự án>

TT	Lĩnh vực hỗ trợ	Nội dung hỗ trợ cụ thể/ Mức đề nghị hỗ trợ
1		
2		
.....		

8. Các tài liệu kèm theo:

(1)

(2)

...

Kính đề nghị quý Sở quan tâm xem xét.

....., ngày tháng ... năm ...

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC/
CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Dự án

<Tiêu đề của dự án>

<Thời gian thực hiện>

Tháng, năm bắt đầu – tháng, năm kết thúc

**NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU TỔ CHỨC/
CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:

2. Loại hình dự án: nghiên cứu tạo công nghệ; giải mã công nghệ; ươm tạo công nghệ; thiết kế chế tạo thiết bị có hàm chứa công nghệ mới, tiên tiến; cải tiến công nghệ; đổi mới quy trình công nghệ sản xuất)

3. Thời gian thực hiện:.....tháng (từ tháng....năm 201....đến tháng...năm 201....)

4. Thông tin về đơn vị chủ trì thực hiện dự án:

Tên đầy đủ:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Email:.....

Số tài khoản:

Đại diện pháp lý:Chức vụ:

5. Thông tin về cá nhân chủ nhiệm dự án (nếu có):

Họ và tên:

Đơn vị công tác:

Chức vụ:.....

Học hàm:..... Học vị.....

Điện thoại:..... Email:

6. Kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí thực hiện dự án:.....triệu đồng

Nguồn kinh phí:

- Từ vốn của đơn vị:.....triệu đồng

- Từ nguồn khác (ghi rõ nguồn):.....triệu đồng

II. NỘI DUNG DỰ ÁN

1. Căn cứ xây dựng dự án

Căn cứ pháp lý: Chủ trương, chính sách, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương,...

Căn cứ thực tiễn và tính cấp thiết: Nhu cầu của doanh nghiệp, ngành, địa phương; vấn đề và nhiệm vụ đặt ra cần giải quyết và tính cấp thiết cần xây dựng và triển khai dự án

2. Mục tiêu của dự án: Mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của dự án

3. Tổng quan về tình hình nghiên cứu/ thực hiện nội dung tương tự của dự án: (Mô tả tình hình nghiên cứu/ thực hiện ở trong và ngoài nước liên quan đến dự án)

4. Nội dung của dự án: Mô tả chi tiết các nội dung và các hạng mục công việc cụ thể để thực hiện để đạt được mục tiêu của dự án và làm nổi bật được các nội dung:

- Đánh giá kết quả triển khai đổi mới công nghệ, hiệu quả kinh tế xã hội của dự án.
- Làm rõ tính pháp lý của chứng từ, hóa đơn mua công nghệ và các nhận xét khác.
- Các phương pháp nghiên cứu/giải mã/ươm tạo/thiết kế chế tạo áp dụng trong quá trình thực hiện dự án.
- Đánh giá công nghệ: có thuộc danh mục công nghệ cao, danh mục công nghệ khuyến khích chuyên giao; trình độ công nghệ; công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sạch. Làm rõ ưu/nhược điểm của công nghệ/thiết bị công nghệ so với các sản phẩm cùng loại.
- Quy trình thực hiện nghiên cứu công nghệ/giải mã công nghệ/ươm tạo công nghệ/thiết kế chế tạo thiết bị công nghệ
- Đặc tính kỹ thuật của công nghệ/thiết bị công nghệ.
- Hướng dẫn vận hành/sử dụng công nghệ/thiết bị công nghệ.
- Luận giải rõ những hạng mục/nội dung do chủ dự án tự nghiên cứu/ thực hiện; hạng mục/nội dung kế thừa các nghiên cứu/ thực hiện đã có hoặc thuê chuyên gia tư vấn/đơn vị khác thực hiện ...

5. Sản phẩm, kết quả của dự án

- Sản phẩm của dự án đạt được là gì?
- Tính khả thi của dự án.
- Khả năng ứng dụng, triển khai sản phẩm, kết quả dự án vào thực tế.
- Đối tượng có khả năng tham gia, thụ hưởng, ứng dụng sản phẩm/kết quả của dự án.

6. Hiệu quả kinh tế - xã hội, môi trường của dự án

- Hiệu quả kinh tế của dự án mang lại cho: chủ dự án, các đối tượng kinh tế - xã hội khác, nguồn thu ngân sách,.....
- Hiệu quả về bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng của dự án,...
- Hiệu quả về xã hội: tạo công ăn việc làm, an sinh xã hội,...

7. Khả năng khắc phục các nhược điểm/tồn tại, hướng phát triển dự án

- Tóm tắt các nhược điểm/tồn tại của sản phẩm từ kết quả nghiên cứu qua quá trình triển khai áp dụng thực tế.
- Phương án khắc phục các nhược điểm/tồn tại của sản phẩm từ kết quả nghiên cứu trong thời gian tới.
- Phương hướng phát triển dự án

8. Tiến độ thực hiện dự án

STT	Công việc thực hiện các nội dung dự án	Mục tiêu/kết quả/sản phẩm	Thời gian (bắt đầu và kết thúc)

9. Kinh phí thực hiện dự án

Đơn vị: triệu đồng

STT	Hạng mục	Tổng số kinh phí	Trong đó:				
			Chi phí nghiên cứu/giải mã/ươm tạo/thiết kế chế tạo			Máy móc, thiết bị	Nguyên vật liệu, năng lượng
			Chi phí lao động trực tiếp	Thuê khoán chuyên môn	Chi quản lý dự án và chi khác		

Trong đó:

Khoản 1. Công lao động trực tiếp

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung công việc	Chức danh nghiên cứu	Tổng số người thực hiện	Hệ số tiền công ngày	Số ngày công	Tổng kinh phí	Nguồn vốn			Ghi chú
							Ngân sách	Tự có	Khác	

Khoản 2. Chi tiết khoản nguyên vật liệu, năng lượng

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Chứng từ chứng minh
Tổng:						

Khoản 3. Chi tiết khoản máy móc, thiết bị

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Chứng từ chứng minh
Tổng:						

Khoản 4. Chi khác*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Nội dung chi	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Chứng từ chứng minh
Tổng:						

10. Kết luận và Kiến nghị:**11. Tài liệu tham khảo****12. Các phụ lục**

duongttt1-09/10/2020 16:24:22-duongttt1-duongttt1

Dự án

<Tiêu đề của dự án>

<Thời gian thực hiện>

Tháng, năm bắt đầu – tháng, năm kết thúc

**NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU TỔ CHỨC/
CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Loại hình: chuyển giao công nghệ; chuyển giao công nghệ có kèm thiết bị công nghệ, mua thiết bị công nghệ
3. Thời gian thực hiện:.....tháng (từ tháng.....năm 201.....đến tháng...năm 201....)
4. Thông tin về đơn vị chủ trì thực hiện dự án:
 Tên đầy đủ:.....
 Địa chỉ:
- Điện thoại:..... Email:.....
- Số tài khoản:
- Đại diện pháp lý:Chức vụ:

II. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ

Mô tả về tình hình hoạt động, sản xuất, kinh doanh của đơn vị; các loại hình sản phẩm; tình hình thị trường cung cấp nguyên vật liệu; tình hình thị trường xuất khẩu; tình hình chấp hành các quy định của pháp luật về hoạt động sản xuất kinh doanh, nghĩa vụ thuế, các vấn đề về bảo vệ môi trường,...

III. NỘI DUNG DỰ ÁN

1. Căn cứ xây dựng dự án

Căn cứ pháp lý: Chủ trương, chính sách, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương,...

Căn cứ thực tiễn và tính cấp thiết: Nhu cầu của doanh nghiệp, ngành, địa phương; vấn đề và nhiệm vụ đặt ra cần giải quyết và tính cấp thiết cần xây dựng và triển khai dự án

2. Mục tiêu của dự án: Mục tiêu chung, cụ thể của dự án

3. Tổng quan về tình hình ứng dụng/sử dụng công nghệ/thiết bị công nghệ cùng lĩnh vực của dự án: (Mô tả tình hình ứng dụng/sử dụng các công nghệ/thiết bị công nghệ ở trong và ngoài nước cùng lĩnh vực của dự án)

4. Tình hình sử dụng công nghệ/thiết bị công nghệ của đơn vị trước khi đổi mới công nghệ/thiết bị công nghệ mới

5. Nội dung của dự án: Mô tả chi tiết các nội dung và các hạng mục công việc cụ thể phải thực hiện để đạt được mục tiêu của dự án và làm nổi bật được các nội dung:

- Đặc tính và thông số kỹ thuật của công nghệ/thiết bị công nghệ
- Hướng dẫn vận hành/sử dụng công nghệ/thiết bị công nghệ
- Làm rõ tính mới, ưu/nhược điểm của công nghệ/thiết bị công nghệ, so sánh với các sản phẩm cùng loại.

- Tính phù hợp của công nghệ/thiết bị công nghệ với hoạt động của đơn vị, phù hợp các quy định của pháp luật hiện hành.
- Sự thay đổi về chất lượng sản phẩm sau khi

6. Hiệu quả kinh tế - xã hội, môi trường của dự án

- Hiệu quả kinh tế của dự án mang lại cho: chủ dự án, các đối tượng kinh tế - xã hội khác, nguồn thu ngân sách,.....
- Hiệu quả về bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng của dự án,...
- Hiệu quả về xã hội: tạo công ăn việc làm, an sinh xã hội,...

7. Khả năng khắc phục các nhược điểm/tồn tại của công nghệ/thiết bị công nghệ

- Tóm tắt các nhược điểm/tồn tại của công nghệ/thiết bị công nghệ qua quá trình triển khai áp dụng thực tế.
- Phương án khắc phục các nhược điểm/tồn tại của công nghệ/thiết bị công nghệ trong thời gian tới.

8. Tiến độ thực hiện dự án

STT	Công việc thực hiện các nội dung dự án	Mục tiêu/kết quả/sản phẩm	Thời gian (bắt đầu và kết thúc)

9. Kinh phí thực hiện dự án

- Tổng mức kinh phí thực hiện chuyên giao công nghệ/chuyên giao công nghệ có kèm thiết bị công nghệ theo hợp đồng, hóa đơn giữa đơn vị và nhà cung cấp.
- Nguồn kinh phí thực hiện:
 - + Nguồn tự chủ:.....
 - + Nguồn khác:.....

10. Kết luận và Kiến nghị:

11. Tài liệu tham khảo

12. Phụ lục